

4. Xã Tân Cương

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất SD cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	ĐƯỜNG TÂN CƯƠNG	Đường Quang Trung qua UBMT Tổ quốc xã Tân Cương	Đường Nam Hồ Núi Cốc			
1	Đoạn 1	Nhà văn hóa tổ 4, phường Quyết Thắng	Ngã ba quán 300	6.000	4.200	4.200
2	Đoạn 2	Ngã ba quán 300	Ngã ba đường rẽ vào Trường Mầm non xã Tân Cương	4.600	3.220	3.220
3	Đoạn 3	Ngã ba đường rẽ vào Trường Mầm non xã Tân Cương	Đường rẽ đi bãi rác	4.000	2.800	2.800
4	Đoạn 4	Đường rẽ đi bãi rác	Gặp đường Nam Hồ Núi Cốc (đập chính Hồ Núi Cốc)	3.200	2.240	2.240
	Trục phụ					
1	Ngõ 3; ngõ 5; ngõ 11, ngõ 15; ngõ 17; ngõ 31	Đường Tân Cương	Vào 500m	2.800	1.960	1.960
2	Ngõ 19; ngõ 18	Đường Tân Cương	Vào 500m	1.800	1.260	1.260
3	- Ngõ 21; ngõ 29; - Từ đường Tân Cương rẽ vào cụm dân cư số 4 (xã Tân Cương cũ); - Ngõ 37; ngõ 38; ngõ số 46; ngõ 49; ngõ 57; ngõ 60; - Từ đường Tân Cương rẽ đi Khu xử lý rác thải rắn đến hết đất Tân Cương; - Các trục liên xóm, liên xã khác là đường bê tông có mặt đường rộng ≥ 2,5m, vào 200m	Đường Tân Cương	Vào 500m	1.600	1.120	1.120
4	Ngõ số 28; ngõ số 41; ngõ số 36	Đường Tân Cương	Vào 500m	2.200	1.260	1.260
II	ĐƯỜNG THỊNH ĐỨC	Đường Quang Trung qua UBND xã Tân Cương	Hết xã Tân Cương			
1	Đoạn 1	Đường Quang Trung	Giáp đất Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Thái Nguyên	4.500	3.150	3.150
2	Đoạn 2	Đất Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Thái Nguyên	Đường rẽ Trường bắn Lữ đoàn 382	4.000	2.800	2.800
3	Đoạn 3	Đường rẽ Trường bắn Lữ đoàn 382	Ngã ba nhà Văn hóa Xóm Phú đi phường Bá Xuyên	3.500	2.450	2.450
4	Đoạn 4	Ngã ba đi phường Bá Xuyên	Hết đất xã Tân Cương	2.800	1.960	1.960

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất SD cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
	Trục phụ					
1	- Từ ngã ba nhà văn hóa Xóm Phú đến Trại ngựa Bá Vân (hết đất xã Tân Cương); - Từ đường 262 rẽ đi Thái Hải đến gặp đường Cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên +500m; - Ngõ 22; Ngõ 24; Ngõ 27; Ngõ 23; Ngõ số 8; - Từ đường 262 rẽ đi đến Nhà Văn hóa xóm Lượm +500m; - Từ đường 262 rẽ hết đất trường Tiểu học Thịnh Đức +500m; - Từ đường 262 đến Trạm y tế xã	Đường Thịnh Đức	Vào 500m	2.800	1.960	1.960
2	Đường trong khu dân cư số 1, xã Thịnh Đức (cũ)	Đường trong khu dân cư số 1, xã Thịnh Đức (cũ)				
2.1	Đường rộng 17m	Toàn tuyến		2.500	1.750	1.750
2.2	Đường rộng 15m	Toàn tuyến		2.100	1.470	1.470
III	CÁC TRỤC ĐƯỜNG CỦA XÃ BÌNH SON CŨ					
1	Tuyến 1	Trụ sở CA xã Tân Cương	Trung tâm Nghiên cứu phát triển chăn nuôi miền núi			
1.1	Đoạn 1	Cầu cứng Bá Vân	Công Công an xã Tân Cương (UBND xã Bình Sơn cũ)	4.200	2.940	2.940
1.2	Đoạn 2	Ngã ba đi hướng ngầm	Giáp đất Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển chăn nuôi miền núi	2.800	1.960	1.960
2	Tuyến 2	Công Công an xã Tân Cương (UBND xã Bình Sơn cũ)	Đi phường Bá Xuyên			
2.1	Đoạn 1	Công Công an xã Tân Cương (UBND xã Bình Sơn cũ)	Vào 500m	4.200	2.940	2.940
2.1.1		Ngõ rẽ giáp trường Tiểu học Bình Sơn 1	Ngã ba hồ Long Vân +500m	1.600	1.120	1.120
2.2	Đoạn 2	Công Công an xã Tân Cương (UBND xã Bình Sơn cũ) +500m	Gặp đường Sông Công- Núi Cốc	3.300	2.310	2.310
2.2.1		Ngõ rẽ giáp nhà ông Trần Văn Anh (hướng đi Nhà văn hóa Long Vân)	Hồ Long Vân +500m	1.600	1.120	1.120
2.3	Đoạn 3	Đường Sông Công- Núi Cốc	Giáp phường Bá Xuyên	2.800	1.960	1.960
2.3.1	Các đường nhánh trong khu dân cư quy hoạch hồ Ghềnh Chè	Ngõ rẽ cổng làng Xuân Đăng 3	Vào 500m	1.600	1.120	1.120
3	Tuyến 3	Công Công an xã Tân Cương (UBND xã Bình Sơn cũ)	Hướng đi Ghềnh Chè, xã Phúc Thuận + 200m (ngã ba)			
3.1	Đoạn 1	Ngã ba	Giáp xã Phúc	4.200	2.940	2.940

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất SD cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
			Thuận			
3.1.1		Ngã ba	Hết khu dân cư quy hoạch hồ Ghềnh Chè	4.200	2.940	2.940
3.1.1.1	Các đường nhánh trong khu dân cư quy hoạch hồ Ghềnh Chè			3.400	2.380	2.380
3.1.2		Hết khu dân cư quy hoạch hồ Ghềnh Chè	Giáp đất xã Phúc Thuận	2.800	1.960	1.960
3.1.2.1		Ngõ rẽ từ nhà văn hóa Bá Vân 5	Ngã ba đi xóm Cây Lá	2.200	1.540	1.540
3.1.2.2		Ngõ rẽ chân dốc Đông Hưng	Ngã ba đi xóm Cây Lá	1.600	1.120	1.120
3.1.2.3		Ngõ rẽ vào nhà VH Đông Hưng	Khu dân cư đường Sông Công - Núi Cốc	1.600	1.120	1.120
3.1.2.4	Các ngõ rẽ đến ngã ba xóm Na Vùng cũ (đoạn gần nhà ông Dương Quang Biên)			1.400	980	980
3.1.2.5	Ngõ rẽ Công làng Phú Sơn đến nhà văn hóa Phú Sơn			1.400	980	980
3.1.2.6		Ngõ rẽ đi Kim Long (ngã ba Linh Sơn 1)	Đình đèo Khế	1.400	980	980
3.2	Đoạn 2	Ngã ba	Đập Ghềnh Chè			
3.2.1		Ngã ba	Ngõ rẽ đi xóm Bá Vân 1	3.400	2.380	2.380
3.2.1.1		Ngõ rẽ đi xóm Bá Vân 1	Nhà văn hóa Bá Vân 1	1.600	1.120	1.120
3.2.2		Ngõ rẽ xóm Bá Vân 1	Ngã ba xóm Bá Vân 2	2.800	1.960	1.960
3.2.2.1		Ngõ rẽ (đoạn nhà ông Chu Quang Anh)	Chùa bá vân	1.600	1.120	1.120
3.2.2.2		Ngõ rẽ (gần nhà VH Bá Vân 2)	Chùa Bá Vân	1.600	1.120	1.120
3.2.2.3		Ngõ rẽ gần ngã ba Bá Vân 2	Ngã ba (gần nhà ông Đỗ Văn Tám)	1.600	1.120	1.120
3.2.2.4		Ngã ba xóm Bá Vân 2	Ngã ba sân bóng Bình Định	1.600	1.120	1.120
3.2.3		Ngã ba xóm Bá Vân 2	Đi xóm Tiên Tiến			
3.2.3.1		Ngã ba xóm Bá Vân 2	Ngõ rẽ đi xóm Bình Định 1	2.000	1.400	1.400
IV	CÁC KHU ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ					
1	Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc - Khu số 1, xã Tân Cương					
1.1	Đoạn 1 (Đường rộng 34,5m)	Cầu vượt Sông Công	Hết ô quy hoạch C.HH11-1	3.300	2.310	2.310
1.2	Đoạn 2 (Đường rộng 34,5m)	Hết ô quy hoạch C.HH11-1	Nút giao với đường WB.3	3.100	2.170	2.170
1.3	Đoạn 3 (Đường rộng 34,5m)	Nút giao với đường WB.3	Hết ô quy hoạch C.LK19-1	2.800	1.960	1.960
1.4	Đường rộng 15,5m - Lô 2, 3	Toàn tuyến		1.700	1.190	1.190
1.5	Đường rộng 15,5m - Lô 4,5	Toàn tuyến		1.400	980	980

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất SD cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
1.6	Đường rộng 15,5m - Lô 6	Toàn tuyến		1.100	770	770
2	Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc - Khu số 2, xã Tân Cương					
2.1	Đoạn 1 (Đường rộng 34,5m)	Cầu vượt Sông Công	Hết ô quy hoạch C.HH11-1	3.300	2.310	2.310
2.2	Đoạn 2 (Đường rộng 34,5m)	Hết ô quy hoạch C.HH11-1	Nút giao với đường WB.3	3.100	2.170	2.170
2.3	Đoạn 3 (Đường rộng 34,5m)	Nút giao với đường WB.3	Hết ô quy hoạch C.LK19-1	2.800	1.960	1.960
2.4	Đường rộng 15,5m - Lô 2,3	Các tuyến		1.700	1.190	1.190
V	CÁC ĐƯỜNG CÒN LẠI					
1	Đường nhựa, đường bê tông có mặt đường rộng từ $\geq 3,5m$	Các tuyến		1.200	840	840
2	Đường nhựa, đường bê tông có mặt đường rộng từ $< 3,5m$	Các tuyến		1.100	770	770